

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE  
Số : 1049/KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Bến Tre, ngày 21 tháng 3 năm 2011

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE	
ĐẾN	Số: 494
	Ngày: 22/3
Chuyển: .....	

## KẾ HOẠCH

### Phát triển trường trung học phổ thông chuyên Bến Tre giai đoạn 2010-2015

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 659/KH-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trường trung học phổ thông chuyên Bến Tre,

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre xây dựng Kế hoạch phát triển trường trung học phổ thông (THPT) chuyên Bến Tre giai đoạn 2010-2015 như sau:

#### I. THỰC TRẠNG VÀ LÝ DO ĐẦU TƯ

Trường THPT chuyên Bến Tre được thành lập theo Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 1990 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Trường hướng đến đạt mục tiêu chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo, phát hiện những học sinh có tư chất thông minh, đạt kết quả xuất sắc trong học tập để bồi dưỡng thành những công dân có lòng yêu nước đáp ứng yêu cầu tạo nguồn nhân lực cho tỉnh và cho đất nước trong tương lai.

Hiện tại, trường có khuôn viên hẹp. Diện tích mặt bằng khoảng 5000 m<sup>2</sup>. Từng bước có cải thiện về cơ sở vật chất. Hiện tại trường có:

- 21 phòng học;
- 02 phòng Ban giám hiệu;
- 01 phòng truyền thống;
- 03 phòng thực hành Lý, Hoá, Sinh;
- 01 phòng dạy ngoại ngữ;
- 02 phòng Tin học (40 máy);
- 01 phòng thư viện (đạt chuẩn quốc gia);



- 01 ký túc xá sức chứa 140 học sinh (ký túc xá cách xa trường khoảng 3km).

Nhìn chung, cơ sở vật chất và trang thiết bị chưa đáp ứng tốt cho việc dạy học.

- Số lượng học sinh các môn chuyên của trường trong năm học 2010-2011:

Khối lớp	Toán	Toán-Tin	Lý	Hoá	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	Pháp	Tổng cộng
10	30	26	29	29	26	34	3	10	28	27	229
11	28	24	30	29	30	36	9	6	28	17	222
12	31		28	29	26	30	6	8	29	32	205

- Số lượng giáo viên các môn chuyên của trường trong năm học 2010-2011:

Toán	Tin	Lý	Hoá	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	Pháp	Tổng cộng
7	4	5	5	4	6	3	3	6	2	45

- Số giáo viên các môn không chuyên: 09 giáo viên dạy các môn Thể dục, Công nghệ, Giáo dục công dân.

Dự kiến từ năm học 2014 - 2015, biên chế trường THPT chuyên Bến Tre có 120 người gồm:

- Cán bộ quản lý: 04 người;
- Giáo viên: 106 người giảng dạy đủ các môn theo qui định (theo tỉ lệ 3,1 giáo viên/lớp đối với lớp chuyên và 2,25 giáo viên/lớp đối với lớp không chuyên);
- Cán bộ kỹ thuật, nhân viên văn phòng, phục vụ và bảo vệ: 10 người;
- Tổng số lớp chuyên gồm 30 lớp cho 10 môn chuyên: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, tiếng Anh, tiếng Pháp, Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học và Tin học;
- Tổng số lớp không chuyên: 06 lớp (03 lớp ban khoa học tự nhiên và 03 lớp ban cơ bản);
- Tổng số học sinh: 1.080 (36 lớp x 30 học sinh ).

Từ năm 2014 - 2015, số học sinh trường THPT chuyên Bến Tre phải huy động đạt 0,1% dân số của tỉnh, tương đương với số học sinh phải huy động là 1.400 học sinh, theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Vì vậy trường THPT chuyên Bến Tre cần có một cơ sở vật chất đủ các trang thiết bị dạy học hiện đại và có qui mô thiết kế đạt chuẩn quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập của tập thể giáo viên và học sinh để phát huy được khả năng cao nhất nhằm đạt được mục tiêu nêu trên.



Để phát triển cơ sở vật chất và trang thiết bị cho trường THPT chuyên Bến Tre giai đoạn 2010 - 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trường THPT chuyên Bến Tre tại Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2010.

Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2010 về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng trường trung học phổ thông chuyên Bến Tre.

## II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU CỦA KẾ HOẠCH

- Phát triển cơ sở vật chất và trang thiết bị cho trường THPT chuyên Bến Tre: tập trung đầu tư xây dựng trường THPT chuyên Bến Tre thành trường đạt chuẩn quốc gia, hiện đại và có chất lượng giáo dục cao. Mở rộng diện tích, xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường phương tiện, thiết bị dạy học đồng bộ, hiện đại.

Xây dựng trường THPT chuyên Bến Tre kiên cố theo tiêu chuẩn, qui phạm xây dựng và vận dụng thiết kế điển hình do Bộ Xây dựng ban hành và các văn bản pháp lý sau:

+ Quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 06/2010/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Quy định về phòng học bộ môn ban hành kèm theo Quyết định số 37/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đạt mức cao của chuẩn nghề nghiệp; nâng tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ đồng thời với việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và khả năng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, đáp ứng nhu cầu vừa tăng quy mô, vừa nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

## III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

### A. Phát triển cơ sở vật chất và trang thiết bị

#### 1. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất

Đầu tư xây dựng trường THPT chuyên Bến Tre theo qui mô như sau:

##### a. Các hạng mục chính

Các hạng mục	Tên công trình	Số lượng	Kích thước	Ghi chú
1. Khối phòng học và phòng học bộ môn.	Phòng học bồi dưỡng học sinh giỏi	05	8m x 6m cao 3,7m	Có hai cửa, khi cần có thể ngăn



				đôi làm 2 phòng.
	Phòng học bộ môn (tính theo công thức tổng số tiết các môn học trong một tuần/30), có phòng chuẩn bị (nằm giữa 02 phòng học cùng bộ môn)	34 17	8m x 7,2 m cao 3,7m 4m x 7,2 m cao 3,7m	
	Phòng nghỉ giáo viên (để giáo viên nghỉ trong thời gian đôi tiết được xây dựng gắn với các dãy các phòng học)	03	4m x 6m cao 3,7m	
	Khu vệ sinh học sinh (khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt)			
	Khu vệ sinh giáo viên (có phân biệt khu vực nam, khu vực nữ riêng)			
2. Khối phục vụ học tập	Phòng thí nghiệm: 2 phòng Lý, 2 phòng Hóa, 2 phòng Sinh  Phòng kho chứa thiết bị thí nghiệm (nằm giữa 02 phòng thí nghiệm của cùng bộ môn)	06 03	8m x 7,2 m cao 3,7m 4m x 7,2 m cao 3,7m	
	Phòng hội họp và làm việc của 8 tổ bộ môn	08	8m x 7,2 m cao 3,7m	
	Thư viện gồm: - Khu vực của giáo viên - Khu vực của học sinh - Khu vực để sách - Khu vực truy cập Internet cho giáo viên và học sinh (sử dụng cho truy cập Internet và việc tra cứu sách cho thư viện điện tử)	01	Diện tích khoảng 200 m <sup>2</sup>	Phải thiết kế sao cho người quản lý thư viện có thể nhìn bao quát được cả thư viện
3. Khối phòng	Các phòng làm việc:			Phòng sinh



hành chánh – quản trị	- Lãnh đạo (Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng)	04	4m x 6m cao 3,7m	hoạt tổ bộ môn dùng để họp chuyên môn, giáo viên có truy cập Internet, nghiên cứu, soạn giảng...
	- Phòng làm việc của các tổ chức (Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phòng thường trực)	04	4m x 6m cao 3,7m	
	- Phòng giáo vụ	01	8m x 6m cao 3,7m	
	- Phòng in ấn tài liệu, đề thi	02	8m x 6m cao 3,7m	
	- Phòng quản lý mạng Internet	01	8m x 6m cao 3,7m	
	- Phòng họp liên tịch	01	8m x 6m cao 3,7m	
	- Phòng kho		8m x 6m cao 3,7m	
	- Phòng y tế (có giường nằm và vách ngăn nam/nữ)		8m x 6m cao 3,7m	
Văn phòng nhà trường	01	8m x 6m cao 3,7m		
Phòng tiếp khách	01	8m x 6m cao 3,7m		
Phòng truyền thống	01	12m x 6m cao 3,7m		
Phòng họp giáo viên (hội trường nhỏ chứa khoảng 120 người)	01	25m x 6m cao 3,7m		
Khu vệ sinh của dãy hành chánh	01			
Phòng truyền thông và tư vấn tâm lý, du học, tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp	01	8m x 6m cao 3,7m		
4. Khu sân chơi, bãi tập TDTT	- Sân bóng đá có đường chạy, hồ bơi có mái che. - Nhà thi đấu đa năng có kho chứa thiết bị TDTT.			



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường chạy điền kinh, khu học tập TDTT, sân tennis</li> <li>- Sân dạy TDTT (nhảy cao, nhảy xa, ném tạ)</li> </ul> <p>(Các hạng mục này có thể phục vụ cho hội thao, thi đấu trong toàn ngành GD&amp;ĐT)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vườn sinh vật</li> <li>- Vườn địa lý</li> </ul>			
5. Hội trường	Hội trường lớn khoảng 1000 chỗ có hậu hội trường để chuẩn bị, có kho chứa dụng cụ thiết bị văn nghệ và có sân khấu (có thể sử dụng cho các hội nghị toàn ngành GD&ĐT)		Kích thước theo tiêu chuẩn của hội trường	
6. Khu ký túc xá	Dành cho học sinh, sức chứa khoảng 500 học sinh, có bếp ăn tập thể, có nhà để xe, nhà kho, phòng sinh hoạt chung cho mỗi tầng, phòng tiếp khách và phòng cho ban quản lý	63 phòng ở ghép	Khoảng 5m x 6m chứa khoảng 8 học sinh /phòng	
	Phòng dùng cho khách, giáo viên thỉnh giảng.	04 phòng	Khoảng 4m x 6m	
7. Khu nhà xe	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một bãi đậu xe ô tô</li> <li>- Nhà xe giáo viên chứa khoảng 120 xe gắn máy</li> <li>- Nhà xe học sinh chứa khoảng 600 xe đạp</li> </ul>			
8. Hệ thống tường rào, cổng, phòng trực bảo vệ, sân chơi	Hệ thống tường rào bao xung quanh khu vực trường			
	Hai cổng ra vào, trong đó có một cổng chính			
	Hai phòng trực bảo vệ ứng với hai cổng			
	Sân chơi của khu vực học tập			



	và khu ký túc xá.			
--	-------------------	--	--	--

### b. Công trình phụ

- Nhà để xe giáo viên: sử dụng cho 100% giáo viên:  
 $150 \times 1.89 \times 100\% = 283,5 \text{ m}^2$
- Nhà để xe học sinh: 70% học sinh đi bằng xe đạp.  
 $1080 \times 0,9 \times 70\% = 680,4 \text{ m}^2$
- Sân đường nội bộ chiếm 15% tổng diện tích  
 $50.009,3 \times 15\% = 7.501,39 \text{ m}^2$
- Diện tích sân chơi, bãi tập chiếm 40% ÷ 45%.  
 $50.009,3 \times (40 \div 45)\% = 20.003,72 \div 22.504,18 \text{ m}^2$
- Diện tích vườn thực nghiệm chiếm 16% ÷ 20%  
 $50.009,3 \times (16 \div 20)\% = 8.001,48 \div 10.001,86 \text{ m}^2$
- Mật độ cây xanh trong mọi trường hợp đảm bảo từ (40 ÷ 50)% diện tích toàn khu.
- Công tường rào: bố trí công chính và công phụ có kiến trúc và kết cấu hiện đại phù hợp với cảnh quan kiến trúc xung quanh và đặc trưng của kiến trúc trường học.
- Hệ thống chiếu sáng và trang trí bên ngoài công trình, hệ thống kỹ thuật hạ tầng cấp thoát nước ngoài công trình.

### c. Mặt bằng xây dựng

Tổng diện tích sử dụng đất là: 49.973 m<sup>2</sup>, đảm bảo mặt bằng xây dựng đúng qui hoạch, đạt chuẩn diện tích và có kích thước cân đối.

### 2. Mua sắm thiết bị dạy học (căn cứ theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Thiết bị dùng chung và cho các môn chuyên ở phòng học bộ môn: 5 tỉ đồng.
  - Thiết bị cho các phòng học ngoại ngữ: 1,5 tỉ đồng
- Tổng cộng: 6,5 tỉ đồng

## B. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

### 1. Đội ngũ hiện tại

- Ban giám hiệu: 4 (1 tiến sĩ, 1 thạc sĩ, 2 đại học).
- Giáo viên môn chuyên và không chuyên: 54 (45 môn chuyên và 09 không chuyên), trong đó có 19 thạc sĩ, tỉ lệ 42,2% trên tổng số giáo viên môn chuyên, chia ra như sau: Toán 3, Lý 1, Hóa 1, Sinh 2, Văn 4, Sử 2, Địa 1, Anh 4, Pháp 1.



- Trường có 23/54 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, đạt tỷ lệ 42,6%.

## 2. Nhu cầu giáo viên đến năm 2015

Chuyên môn	2011	2012	2013	2014	2015
Tiếng Anh	1	1	1	2	1
Văn	2	1	2	1	1
Toán	2	1	1		1
Lý	1	1	1	1	1
Tin	1	1			1
Địa	1	2	1		1
Thể dục	1	1			1
Hóa	2	1	1		1
Sử	1		1		
CN	2			1	
TC	15	8	7	2	8

## 3. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên đến năm 2015

- Ban Giám hiệu: 100% có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

- 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn. Trong đó có 50% giáo viên dạy các môn chuyên có trình độ thạc sĩ trở lên.

Kế hoạch đào tạo sau đại học gồm thạc sĩ (ThS) và nghiên cứu sinh tiến sĩ (NCS) đối với cán bộ quản lý và giáo viên giai đoạn 2010 - 2015 phân kì như sau:

Chuyên môn đào tạo	Kế hoạch đào tạo giáo viên từ 2010 đến năm 2015 trình độ thạc sĩ, tiến sĩ					
	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tiếng Anh			1 ThS		2 NCS	
Văn	1 ThS					1 ThS
Toán					1 ThS	1 ThS
Lý			1 NCS			1 ThS
Tin	1 ThS				1 ThS	
Địa				1 ThS		
Thể dục						
Hóa	1 ThS					1 NCS
Sử						
Tổng cộng	3		2	1	4	4

## 4. Về trình độ ngoại ngữ, tin học

Đến năm 2015, có 100% cán bộ quản lý, giáo viên giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng thông thạo tin học và thiết bị dạy học hiện đại; 20% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng được ngoại ngữ trong giảng dạy, giao tiếp (trong đó những giáo viên trẻ có trình độ ngoại ngữ đủ điều kiện đi học sau đại học).



## 5. Về việc dạy các môn khoa học bằng tiếng Anh

Giai đoạn 2011 - 2015, chuẩn bị đội ngũ giáo viên dạy Toán, Tin học, Lý Hóa, Sinh bằng tiếng Anh để triển khai chương trình thí điểm dạy Toán, Tin học bằng tiếng Anh từ năm học 2011 - 2012 và Lý, Hóa, Sinh sau 2015 trong các trường THPT chuyên trong khuôn khổ Đề án Ngoại ngữ 2020.

GV dạy môn	Kế hoạch đào tạo tiếng Anh cho giáo viên dạy Toán, Lý, Hoá, Sinh, Tin học từ 2010 đến năm 2015					
	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Toán	2			2		1
Lý	1			2		1
Hoá	2			1		1
Tin	1			1		1
Sinh	1			1		1
Tổng cộng	7			7		5

## C. Chỉ đạo, quản lý thực hiện Kế hoạch

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2010 về việc thành lập Ban thực hiện Đề án cấp tỉnh phát triển trường THPT chuyên Bến Tre giai đoạn 2010-2015.

- Thực hiện công khai hoá đầu tư để tăng cường sự tham gia kiểm tra, giám sát của HĐND, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là giám sát của cộng đồng; đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng công trình.

- Chấp hành nghiêm túc Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, các quy chế, quy định về quản lý đầu tư, giám sát thi công, nghiệm thu và quyết toán công trình; giải ngân kịp thời nguồn vốn được cấp phát.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ của các ngành chức năng để tham mưu giúp các Ban chỉ đạo xử lý kịp thời vướng mắc phát sinh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Kế hoạch.

- Các Ban chỉ đạo hoạt động theo quy chế làm việc, qui chế giám sát và phân công nhiệm vụ rõ ràng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tuyệt đối không để xảy ra tham nhũng, thất thoát, lãng phí.

- Tích cực vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tìm các nguồn tài trợ ngoài ngân sách để giảm bớt khó khăn cho ngân sách nhà nước.

## D. Nguồn vốn và phân kỳ đầu tư

### 1. Tổng vốn đầu tư thực hiện Kế hoạch là 222 tỉ đồng, chia ra như sau:

- Xây dựng các phòng học: 183,5 tỉ đồng.
- Đền bù san lấp mặt bằng: 30 tỉ đồng.
- Mua sắm thiết bị dạy học: 6,5 tỉ đồng.
- Đào tạo, bồi dưỡng (tại địa phương): 2 tỉ đồng.



## 2. Cân đối vốn đầu tư

- Chính phủ hỗ trợ : 150 tỉ đồng
- Ngân sách tỉnh : 52 tỉ đồng
- Vận động các nguồn khác : 20 tỉ đồng
- Tổng cộng: 222 tỉ đồng

## 3. Tiến độ triển khai Kế hoạch và phân kỳ đầu tư

### a. Tiến độ

Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dự kiến thực hiện từ năm 2010 đến năm 2012.

### b. Phân kỳ đầu tư

Đơn vị tính: tỉ đồng

Nguồn vốn	Tổng vốn	2010	2011	2012	2013	2014
- Chính phủ	150		100	50		
- Địa phương	52	30	10	10	2	
- Ngoài ngân sách	20	20				
Cộng	222	50	110	60	2	

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Là cơ quan thường trực Ban triển khai Đề án phát triển trường trung học phổ thông chuyên Bến Tre giai đoạn 2011-2015, chủ trì và phối hợp với các ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc hoàn tất thủ tục đền bù đất theo qui định hiện hành.

- Tổng hợp báo cáo tiến độ triển khai thực hiện Kế hoạch theo định kỳ quý, năm cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, định kỳ báo cáo về Ban điều hành Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020 của Trung ương.

### 2. Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên trường trung học phổ thông chuyên theo Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

### 3. Sở Tài chính:

Chủ trì phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương. Quản lý việc cấp phát, quyết toán nguồn vốn kịp thời, đúng qui định.



#### 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn đầu tư. Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kịp thời việc phân bổ vốn đầu tư, các hồ sơ thủ tục đấu thầu các hạng mục. Thực hiện tốt công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

#### 5. Sở Xây dựng:

Tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng công trình. Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện qui trình, qui phạm trong xây dựng và thẩm tra thiết kế cơ sở.

#### 6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

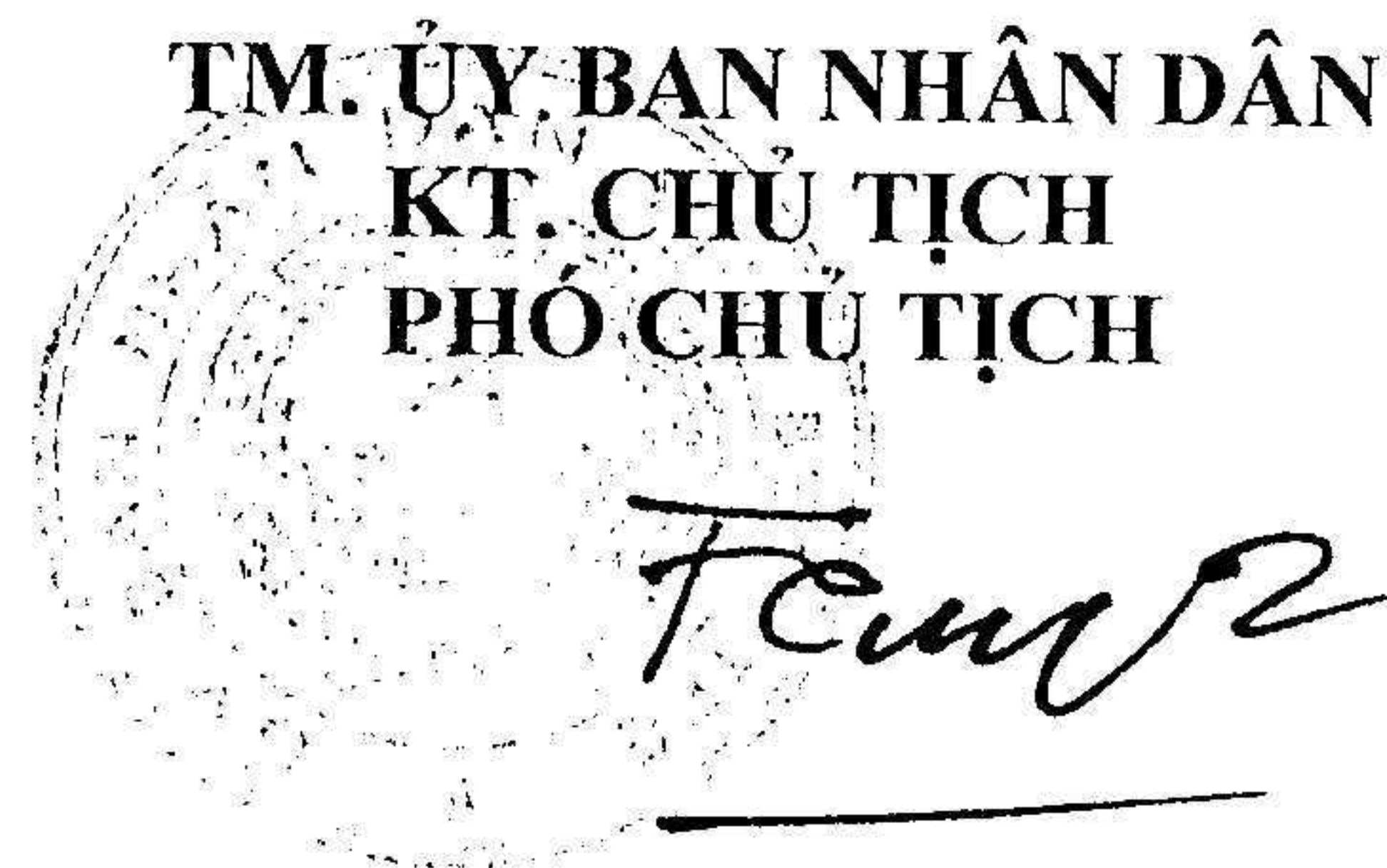
Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre thực hiện kế hoạch sử dụng đất, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường THPT chuyên Bến Tre và đảm bảo môi trường cho công trình.

#### 7. Trường trung học phổ thông chuyên Bến Tre:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch tại trường;
- Thực hiện việc tự đánh giá từng học kỳ, hàng năm và kết thúc mỗi giai đoạn của Kế hoạch;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định./.

#### Nơi nhận :

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Bộ KH&ĐT (để báo cáo);
- TT.Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT và các P.CT UBND tỉnh (để biết);
- Ban TG TU, Ban VH-XH HĐND tỉnh (để biết);
- Các Sở : GD&ĐT, TC, KH&ĐT, XD, NV, TN-MT (để thực hiện);
- Chánh, Phó VPNC;
- Ng/c: TH, TCĐT, VHXH;
- Lưu: VT. D.



**Trương Văn Nghĩa**